

Số: 378/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 406/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số D C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Huỳnh Thị T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số D C, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị T1 thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh T2 và chị T1 xác nhận 03 con chung là Nguyễn Hoàng Nam A, sinh ngày 18/02/2010 và Nguyễn Hoàng Hải N, sinh ngày 05/4/2012, Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 25/6/2018.

Anh T2 và chị T1 thỏa thuận: Giao 03 cháu Nguyễn Hoàng Hải N, sinh ngày 05/4/2012, Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 25/6/2018, Nguyễn Hoàng Nam A, sinh ngày 18/02/2010 cho cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh T2 và chị T1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T2 và chị T1 xác nhận không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh T2 và chị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh T2 và chị T1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0003985 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn T và chị Huỳnh Thị T1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh T2 và chị T1 xác nhận 03 con chung là Nguyễn Hoàng Nam A, sinh ngày 18/02/2010 và Nguyễn Hoàng Hải N, sinh ngày 05/4/2012, Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 25/6/2018.

Anh T2 và chị T1 thoả thuận:

- Giao 03 cháu Nguyễn Hoàng Hải N, sinh ngày 05/4/2012, Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 25/6/2018, Nguyễn Hoàng Nam A, sinh ngày 18/02/2010 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- *Về tài sản chung:* Anh T2 và chị T1 tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh T2 và chị T1 xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T2 và chị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh T2 và chị T1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0003985 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Tây Lộc
- Lưu dân;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng

